TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2024/HS-PT
Ngày: 21/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;
Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Minh;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024; do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 248/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị cáo bị kháng nghị:*

Nguyễn Huy G, tên gọi khác: Không; sinh năm 1995 tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Phố Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Điều dưỡng (đã nghỉ việc); dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Huy Đ, con bà: Lê Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Cao Thị H, Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H1, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà F T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Huy G đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái mang đi cầm cố để lấy tiền. Ngày 14/02/2023, Nguyễn Huy G đến cửa hàng của anh Lê Viết H2 tại số B, đường B, phường H, thành phố T đặt vấn đề thuê xe của anh H2; anh H2 đồng ý và hai bên thỏa thuận giá thuê xe một tháng là 27.000.000đ; Nguyễn Huy G đã ký hợp đồng thuê xe với anh H2 với thời hạn một tháng và nhận xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, biển kiểm soát 36A-743.30, đồng thời để lại một xe mô tô SH biển kiểm soát 29F1-095.86; anh H2 đã giao xem ô tô kèm theo đăng ký xe (bản photo), giấy chứng nhận đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm. Ngày 16/02/2023 Nguyễn Huy G đã chuyển khoản thanh toán cho anh H2 10.000.000đ. Đến ngày 19/02/2023, Nguyễn Huy G đã đem chiếc xe ô tô thuê của anh H2 đến cầm có cho bà Nguyễn Thị H1 để vay số tiền 200.000.000đ, hẹn 10 ngày sau sẽ trả tiền và lấy xe, bà Nguyễn Thị H1 đã chuyển khoản số tiền 200.000.000đ vào tài khoản 1012568619 của Nguyễn Huy G tại Ngân hàng N1. Nguyễn Huy G viết một giấy mượn tiền giao cho bà H1; nhưng sau đó Nguyễn Huy G đã không trả tiền cho Bà H1 để lấy xe theo như thỏa thuận.

Ngày 21/3/2023, Nguyễn Huy G chuyển tiếp số tiền 17.000.000đ cho anh H2 và đề nghị thuê xe thêm một tháng nữa; đến hết thời hạn thuê xe theo như thỏa thuận, anh H2 gọi điện yêu cầu Nguyễn Huy G trả xe, nhưng G không đến và anh H2 cũng không liên lạc được, nên đã trình báo Cơ quan Công an.

Ngày 30/5/2023, Bà H1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe ô tô nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 72/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 36A-743.30 nhãn hiệu KIA K3 trị giá 573.000.000đ.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 247/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy G 07 năm 03 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 14/6/2023.

Về phần dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Theo đó, bị cáo Nguyễn Huy G trả cho anh Lê Viết H2 số tiền 40.000.000đ. Anh H2 không yêu cầu gì thêm nên công nhận bị cáo đã trả đủ tiền cho anh H2. Anh H2 được nhận số tiền 40.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA2022/0000791, ngày 31/10/2023 và Biên lai thu tiền số AA/2022/0000845, ngày 24/11/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Huy G trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 200.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn buộc chịu lãi suất chậm thi hành án; trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử, ngày 27/12/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VC1-HS kháng nghị Bản án sơ thẩm số 248/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp

dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, v khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; tăng hình phạt đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho Bà Nguyễn Thị H1 200.000.000đ. Bà H1 được nhận 40.000.000đ từ Cơ quan Thi hành án dân sự do gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* *Bị cáo trình bày:* Bị cáo thấy cấp sơ thẩm quy kết xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đã rất ân hận với hành vi phạm tội của mình; cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên bị cáo đã không kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Sau khi xét xử sơ thẩm thì gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà toàn bộ số tiền mà bị cáo đã vay là 200.000.000đ, nên bà không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; bà chỉ đề nghị Tòa án giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá các chứng cứ cho rằng, cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự không đúng, từ đó xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù là không phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã khắc phục cho bà H1 số tiền 200.000.000đ, nên có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 200.000.000đ, nhưng ghi nhận bị cáo đã thi hành xong khoản tiền này.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sửa bản án sơ thẩm theo không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tăng một phần hình phạt đối với bị cáo.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:* Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo G đã khai báo thành khẩn và thể hiện sự ăn năn hối cải của mình; quá trình công tác bị cáo có thành tích xuất sắc được khen thưởng, bị cáo đã tác động với gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Huy G khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo phù hợp

với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nên đủ cơ sở kết luận: Do có ý định thuê xe ô tô mang đi cầm cố để lấy tiền; ngày 14/02/2023 Nguyễn Huy G đã thuê xe ô tô của anh Lê Viết H2, sau đó bị cáo mang đến cầm cố cho bà Nguyễn Thị H1 để lấy 200.000.000đ. Hành vi phạm tội nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Huy G về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo G là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, vì hám lợi đã có hành vi gian dối tạo niềm tin để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, nên cần phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 573.000.000đ nên cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, xem xét áp dụng đầy đủ cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; quá trình công tác có thành tích xuất sắc được tặng giấy khen; bị cáo có ông nội được tặng huân, huy chương kháng chiến; đã tác động với gia đình tự nguyện nộp số tiền 40.000.000đ để khắc phục thiệt hại. Trong vụ án này, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là chiếc xe ô tô trị giá 573.000.000đ, chiếc xe đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, nên hậu quả đã được khắc phục; đối với số tiền 40.000.000đ bị cáo thỏa thuận bồi thường cho bị hại, đây là số tiền bị hại bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động với gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả là trả cho bà H1 số tiền 200.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 xác nhận đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 04/8/2000 thì tuy quá trình công tác bị cáo có thành tích xuất sắc, nhưng chỉ được tặng giấy khen, nên chỉ được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thiếu căn cứ, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với nội dung này có căn cứ. Như đã phân tích ở trên, thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng không đúng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các tình tiết giảm nhẹ khác được áp dụng đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động với gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H1

xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự; từ đó thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 07 năm 03 tháng tù là phù hợp.

[4] Đối với kháng nghị liên quan đến trách nhiệm dân sự, thấy: Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 200.000.000đ là có căn cứ, sau khi xét xử sơ thẩm bà H1 không có kháng cáo; đối với số tiền 40.000.000đ mà gia đình bị cáo nộp để khắc phục hậu quả thì như đã phân tích ở trên thì anh H2 bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên được bồi thường, giữa bị cáo và bị hai đã thỏa thuận được với nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh H2 là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 200.000.000đ cho bà H1, tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 xác nhận đã nhận đủ nên không có yêu cầu gì nên cần ghi nhận bị cáo đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự.

[5] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm có vi pham trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, còn các vấn đề khác đã giải quyết đúng quy định của pháp luật, nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị để sửa bản án sơ thẩm, các nội dung khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[6] Bị cáo Nguyễn Huy G không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sửa Bản án sơ thẩm số 248/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy G 07 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (14/6/2023).

Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 236 Bộ luật Tố tụng dân sự; công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Theo đó, bị cáo Nguyễn Huy G phải bồi thường cho anh Lê Viết H2 số tiền 40.000.000đ; anh H2 được nhận số tiền 40.000.000đ mà gia đình bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA2022/0000791, ngày 31/10/2023 và Biên lai thu tiền số AA/2022/0000845, ngày 24/11/2023.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy G phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 200.000.000đ. Ghi nhận bị cáo đã thi hành xong khoản tiền này.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Huy G không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 248/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THA HS, Công an Thánh Hóa;
- Toà án tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm